ĐK-103

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

AOSC VLAC-1.200 Đo Lường - Hiệu Chuẩn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ *Date:*

Số/ *N⁰:* **A1024104005**

1. Phương tiện đo/ *Object:* **BỘ QUẢ CÂN CHUẨN F1/ *STANDARD WEIGHTS F1***
2. Hãng sản xuất/ *Manufactuer:* **VIRTUAL MEASUREMENT & CONTROL**
3. Kiểu/ *Model:* **NA** Số nhận dạng/ *ID:* **5**
4. Số hiệu/ *SN:* **304142-5ML**
5. Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification:*
6. Khách hàng/ *Custommer:* **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**
7. Địa chỉ/ *Address:* **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
8. Nơi hiệu chuẩn/ *Place of calibration:* **Phòng hiệu chuẩn 1**
9. Địa chỉ/ *Address:* **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**
10. Phương pháp hiệu chuẩn/ *Procedure of calibration:* **A-00 - Quả cân chuẩn**
11. Chuẩn sử dụng/ *Standards Used:*
12. Môi trường hiệu chuẩn/ *calibration environment:*

    Nhiệt độ/ *Temperature:* Độ ẩm/ *Humidity:* **%RH**
13. Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration:* **15/03/2018**
14. Ngày hiệu chuẩn tiếp theo/ *Recommended date of next calibration:* **31/03/2020**
15. Tem hiệu chuẩn/ *calibration label:* **A005**

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
   The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
   This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
   Name of customer is written as customer's request.

CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
QUALITY ASSURANCE OF VIETNAM COMPANY LIMITED

AOSC VLAC-1.200 Đo Lường - Hiệu Chuẩn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CERTIFICATE OF CALIBRATION

Ngày/ *Date:*

Số/ *N⁰:* **A1024104005**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN/
RESULTS OF CALIBRATION

CODE	LIÊN KẾT CHUẨN	KHỐI LƯỢNG DANH ĐỊNH	KHỐI LƯỢNG QUY ƯỚC	ĐKĐBĐ
TB-05.9	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	1g	1.000027g	0.03mg
TB-05.10	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	2g	2.00001g	0.04mg
TB-05.11	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	2g	2.000032g	0.04mg
TB-05.12	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	5g	5.000028g	0.05mg
TB-05.13	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	10g	10.00005g	0.06mg
TB-05.1	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	10mg	10.009mg	0.008mg
TB-05.14	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	20g	20.000015g	0.08mg
TB-05.15	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	20g	20.000027g	0.08mg
TB-05.2	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	20mg	20.01mg	0.01mg
TB-05.3	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	20mg	20.012mg	0.01mg
TB-05.16	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	50g	50.000012g	0.1mg
TB-05.4	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	50mg	50.015mg	0.012mg
TB-05.17	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	100g	99.99993g	0.16mg
TB-05.5	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	100mg	100.015mg	0.016mg
TB-05.18	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	200g	200.00054g	0.3mg
TB-05.19	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	200g	200.00039g	0.3mg
TB-05.6	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	200mg	200.026mg	0.02mg
TB-05.7	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	200mg	200.025mg	0.02mg
TB-05.20	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	500g	500.0009g	0.8mg
TB-05.8	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	500mg	500.03mg	0.025mg
TB-05.21	KT3-0353AKL8/1 (QUATEST3)	1000g	1000.0021g	1.6mg

--- Hết/ *End* ---

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây.
   The calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
   This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
   Name of customer is written as customer's request.